

MỐI GIAO LƯU GIỮA CÁC VĂN NHÂN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC THỜI NHÀ ĐƯỜNG

NGUYỄN PHƯỚC TÂM*

Với khoảng thời gian dài ngót ngàn năm Bắc thuộc, nền văn hóa Việt Nam - bao gồm cả lĩnh vực văn học và nghệ thuật, đã chịu ảnh hưởng sâu rộng từ nền văn hóa Trung Hoa. Để hiểu sâu hơn về mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa các văn nhân Việt Nam - Trung Quốc thời nhà Đường, từ góc nhìn tài liệu thi học, bài viết trình bày một bức tranh về mối giao hảo giữa các văn nhân thông qua những bài thơ chữ Hán mà họ từng dành tặng cho nhau.

Từ khóa: giao du, văn nhân, An Nam, nhà Đường

Nhận bài ngày: 3/1/2020; *đưa vào biên tập:* 15/1/2020; *phản biện:* 20/1/2020; *duyet đăng:* 10/4/2020

1. DẪN NHẬP

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: vào thời Thành Vương nhà Chu thế kỷ thứ X trước Công nguyên, Hùng Vương từng cử sứ giả sang giao hảo với Trung Quốc và hiến chim trĩ trắng. Vua nhà Chu sau đó sai làm xe chỉ nam, đưa sứ giả về nước (Ngô Sĩ Liên, *Tôn Hiểu*, 2015: 41-42). Về sự kiện này, sách *An Nam chí lược* cũng có chép tương tự (Lê Tắc, Vũ Thượng Thanh, 2000: 12-13). Thật ra, sự kiện trong hai sách sử vừa nêu đều được chép lại từ một trong những

sách cổ của Trung Quốc như *Trúc thư kỷ niên*, *Hàn thi ngoại truyện*, *Thượng thư đại truyện*, *Hậu Hán thư* (Hà Quang Nhạc, 1992: 176). Từ chi tiết “cống chim trĩ trắng” và vua nhà Chu “sai làm xe chỉ nam đưa sứ giả về nước” cho thấy, trước thời Bắc thuộc người Việt cổ đã có những cuộc tiếp xúc qua lại với Trung Hoa với mối quan hệ bang giao giữa hai miền Nam Bắc.

Tuy nhiên, từ khoảng cuối thế kỷ thứ III trước Công nguyên tới đầu thế kỷ thứ X, Việt Nam dưới ách thống trị của chế độ phong kiến phương Bắc, từ đây bắt đầu một thời kỳ tiếp xúc mới giữa hai nền văn hóa.

* Trường Đại học Trà Vinh.

Thời kỳ nhà Đường, ở Trung Hoa hầu như mọi mặt đều phát triển đạt đến đỉnh cao, khiến các nước khu vực và cả thế giới phải kinh ngạc và tỏ ra ngưỡng mộ. Trong số những thành tựu đó phải kể đến văn hóa, bao gồm văn học và nghệ thuật. Đúng như Murdoch nhận định: “Thời đó, hiển nhiên là Trung Hoa đứng đầu các dân tộc văn minh trên thế giới. Đế quốc ấy hùng cường nhất, văn minh nhất, thích sự tiến bộ nhất và được cai trị một cách tốt nhất thế giới. Chưa bao giờ nhân loại được thấy một nước khai hóa, phong tục đẹp đẽ như vậy” (dẫn theo Will Durant, Nguyễn Hiến Lê, 1990: 125). Thời kỳ này xuất hiện nhiều văn nhân giỏi thơ phú, khéo văn chương. Do hoàn cảnh bức ép, trong số họ có những người buộc phải lưu đầy sang khu vực An Nam sống nhờ, như: Đỗ Thẩm Ngôn, Thẩm Thuyên Kì, Bùi Di Trực... Một số khác được điều phái đến An Nam cai quản, như: Vương Phúc Chí⁽¹⁾, Bùi Thái, Vương Ngọc Tài, Mã Thông... Bên cạnh đó, có một số tăng nhân đến truyền đạo hoặc giao du, như Vô Ngôn Thông, Vân Khanh... Những người này và nhà cầm quyền kết hợp với dân cư bản địa tổ chức truyền dạy kinh điển Nho gia, Phật giáo, viết sách lập thuyết. Các hoạt động này đã truyền bá văn hóa Trung Hoa ở khu vực An Nam.

Vào những năm 80 của thế kỷ thứ VII, thuộc đời nhà Đường (618 - 907), xuất hiện phong trào đi Tây Trúc thỉnh kinh, cầu pháp của những nhà sư cả

phương Bắc lẫn phương Nam. Ở phương Bắc nhiều vị tăng nhân đến Thiên Trúc cầu pháp thường đi đường biển, phần lớn phải ngang qua An Nam dừng chân (Trương Kim Liên, 2005: 112), chắc chắn thời gian ở lại trước khi lên đường Tây du, giữa họ và người bản địa có những tương tác qua lại. *Đại Đường Tây vực cầu pháp cao tăng truyện* chép có 6 vị, gồm: Minh Viễn, Tăng-già-bạt-ma, Đàm Nhuận, Huệ Mệnh, Trí Hoàng, Vô Hạnh (Nghĩa Tịnh, Vương Bang Duy, 1988: 97). Sách này ghi có 6 tăng nhân Việt Nam cũng Tây hành, gồm: Vận Kì, Khuy Xung, Mộc Xoa Đề Bà, Huệ Diệm, Trí Hành và Đại Thừa Đăng, trong đó có bốn vị người Giao Châu (vùng Bắc Bộ ngày nay) và hai vị khác là người Ái Châu (Thanh Hóa ngày nay). Thời kỳ này Việt Nam cũng có nhiều tăng nhân nổi tiếng khác, như Vô Ngại, Duy Giám, Định Không...

Từ những tư liệu thi ca thì trước thế kỷ X, không ít tăng sĩ, văn sĩ Việt Nam thường xuyên qua lại Trung Hoa giao lưu, thậm chí được hoàng đế Trung Hoa mời vào cung điện thuyết giảng giáo nghĩa Phật giáo, như pháp sư Định, pháp sư Duy Giám. Vào thời kỳ này, An Nam xuất hiện khá nhiều tăng sĩ, văn sĩ nổi tiếng có mối quan hệ mật thiết với các văn sĩ lừng danh Trung Hoa, như: Vô Ngại, Quảng Tuyên, Liêu Hữu Phương... Dù là thời kỳ Bắc thuộc, nhưng điều đáng chú ý là các văn nhân hai nước đã để lại không ít áng văn thơ đẹp đẽ trong những lần gặp gỡ, tiễn biệt, hoặc ở

An Nam hoặc ở Trung Nguyên. Để có một cái nhìn cụ thể về mối giao hảo giữa các văn sĩ xứ Nam và xứ Bắc lúc bấy giờ, bài viết sẽ trình bày trưng dẫn một số trường hợp điển hình.

2. NỘI DUNG

2.1. Giao du giữa Vô Ngại với Thẩm Thuyên Kì

Vô Ngại (无碍), chưa rõ năm sinh và mất, sống vào thế kỷ thứ VIII, gốc Ấn Độ, định cư và tu ở chùa Tịnh Cư, núi Cửu Chân, huyện Nhật Nam, Ái Châu, thuộc tỉnh Thanh Hóa ngày nay⁽²⁾. Ông là một thiền sư, giỏi thiền định và thuyết pháp, được Thẩm Thuyên Kì tôn xưng là “Thượng nhân”, “Đại sĩ” và có làm một bài thơ khen ngợi Đại sĩ như là một hóa thân của Phật. Đứng trước Vô Ngại, Thẩm Thuyên Kì tự cảm thấy mình nhỏ bé và mông muội. Về cuộc đời sự nghiệp của Vô Ngại, tài liệu lịch sử để khảo sát cho tới thời điểm này rất ít ỏi, trong *Thiền uyển tập anh*, cuốn sách viết xong vào khoảng thời thịnh Trần và được cho là tài liệu đầy đủ nhất ghi chép lại hành trạng của các thiền sư trong vườn thiền Việt Nam từ cuối thế kỷ VI đến thế kỷ XIII cũng không tìm thấy. Vì vậy thiền sư chỉ được biết qua sự mô tả trong một bài thơ của nhà thơ Thẩm Thuyên Kì mà thôi.

Thẩm Thuyên Kì (沈佺期, khoảng 656 - 714), tự Văn Khanh, người Nội Hoàng, Tương Châu (nay là huyện Nội Hoàng, tỉnh Hà Nam). Theo sử liệu cho biết, ông là một trong những nhà thơ nổi tiếng thời sơ Đường bị đày sang An Nam. Trong thời gian ở An Nam, ông

đã viết khoảng 13 bài thơ⁽³⁾. Một trong những bài thơ đề cập tới mối giao hảo giữa nhà thơ với Vô Ngại là bài *Cửu Chân sơn Tịnh Cư tự yết Vô Ngại thượng nhân* (《九真山净居寺谒无碍上人》/Bái kiến thượng nhân Vô Ngại chùa Tịnh Cư ở núi Cửu Chân:

大士生天竺，分身化日南⁽⁴⁾。人中出烦恼，山下即伽蓝。

小润香为刹，危峰石作龕。候禅青鸽乳，窥讲白猿参。

藤爱云间壁，花怜石下潭。泉行幽供好，林挂浴衣堪。

弟子哀无识，医王惜未谈。机疑闻不二，蒙昧即朝三。

欲宽因缘理，聊宽放弃惭。超然虎溪夕，双树下虚岚。

(Bàn Định Cầu và các cộng sự, 2015: 1047-1048).

Hán Việt:

Đại sĩ sinh Thiên Trúc, phân thân hóa Nhật Nam. Nhân trung xuất thiền não, sơn hạ tức già lam. Tiểu giản hương vi sát, nguy phong thạch tác khám. Hầu thiền thanh cốc nữ, khuy giảng bạch viên tham. Đằng ái vân gian bích, hoa lân thạch hạ đàm. Tuyền hành u cung hảo, lâm quả dục y kham. Đệ tử ai vô thức, y vương tích vị đàm. Cơ nghi văn bất nhị, mông muội tức triều tam. Dục cứu nhân duyên lí, liêu khoan phóng khí tầm. Siêu nhiên Hồ Khê tịch, song thọ hạ hư lam.

Dịch nghĩa:

Đại sĩ sinh ra từ Thiên Trúc (Ấn Độ), phân thân hóa độ ở Nhật Nam. Trần gian hết thiền não, dưới núi là Già lam (chỉ chùa Tịnh Cư). Ngôi chùa

bên khe suối nhỏ quỳện tỏa hương khói – chùa trong khói tỏa - giống như chùa được tạo nên bởi khói hương, mồm núi cao chót vót lấy đá lổ làm nơi thờ tượng Phật. Bờ câu đen uống nước bên khe suối đang trông đợi ngồi thiền cùng thiền sư, trên cây chú vượn trắng đang ngồi lặng lẽ trộm nhìn giảng kinh pháp. Dây thính mây quấn lấy vách tường, hoa thương đá dưới đầm hồ. Suối đẹp nằm ở lối sâu, rừng cao treo áo tắm. Đáng buồn là đệ tử chưa biết, đáng tiếc là những điều này Phật chưa từng nói qua. Đang lúc hướng về Phật mà lòng vẫn còn tồn tại nghi hoặc, nghe được Vô Ngại giảng về Pháp môn Bất nhị, những mê muội liền tan biến. Muốn tìm hiểu lý nhân duyên, đàm đạo quên xấu hổ. Mãi bước vượt qua ranh giới khe Hồ, hoàng hôn nhá nhem chạm khắp cây Sa-la khi nào không hay biết.

Từ tiêu đề bài thơ cho biết Thẩm Thuyên Kì từng đến thăm và hầu chuyện với Đại sĩ Vô Ngại tại chùa Tịnh Cư núi Cửu Chân - An Nam. Những câu thơ đầu, tác giả mô tả vị trí chùa với khung cảnh thiên nhiên thơ mộng. Ở đó có một vị Đại sĩ uy lực, như hòa trong bức tranh thiên nhiên một màu xanh thắm... Vạn vật như chim chóc, khi vượn... đang hướng về Đại sĩ, trông chờ Người tọa thiền, giảng pháp, như muốn hóa giải những nỗi khổ đau ẩn tàng bên trong của mình: “Bờ câu đen uống nước bên khe suối đang trông đợi ngồi thiền cùng thiền sư/ Trên cây chú vượn

trắng đang ngồi lặng lẽ trộm nhìn giảng kinh pháp”.

Đứng trước một vị tu thiền cao minh và đầy uy lực như vậy, nhà thơ cảm thấy mình bé nhỏ, mê muội; nhưng đồng thời cũng cảm thấy rất may mắn khi có duyên được hầu chuyện và nghe Người tuyên giảng về lý nhân duyên: “Đáng buồn là đệ tử chưa biết/Đáng tiếc là những điều này Phật chưa từng nói qua/Đang lúc hướng về Phật mà lòng vẫn còn tồn tại nghi hoặc/Nghe được Vô Ngại giảng về Pháp môn Bất nhị (vạn vật bình đẳng, không lệch bên này hay bên kia), những mê muội liền tiêu tan”. Xét từ “đệ tử” ở câu 13 trong bài thơ – Thẩm Thuyên Kì tự nhận mình là đệ tử của Vô Ngại, có thể phán đoán là nhà thơ đã quy y tam bảo. Bởi, theo lẽ thường một khi đã là “đệ tử” của Phật, của tổ hay của sư nào đấy, thì thường phải quy y Phật Pháp Tăng. Nếu suy luận này là đúng thì đây là một câu chuyện hết sức thú vị, vì lần đầu tiên ta bắt gặp hình ảnh của một nhà thơ lớn đời Đường quy ngưỡng trước một vị tăng nhân Việt Nam lúc bấy giờ.

Điểm lồi cuốn của bài thơ hẳn không chỉ có thế. Liên quan đến điển tích “Hồ Khê” (khe suối Hồ) ở hai câu kết của bài thơ cũng có sức hấp dẫn không kém: “Siêu nhiên Hồ Khê tịch/Song thọ hạ hư lam”, khi liên hệ giai thoại dân gian “Hồ Khê tam tiểu”⁽⁵⁾. Qua đây cho thấy nhà thơ Thẩm Thuyên Kì coi trọng Đại sĩ Vô Ngại, mối quan hệ giao du qua lại giữa họ cũng vô cùng tốt đẹp.

2.2. Giao du giữa Liễu Hữu Phương với Liễu Tông Nguyên

Liêu Hữu Phương (廖有方, khoảng 773-?), họ Liễu, tự Du Khanh, sau lấy tự làm tên, người Giao Châu - An Nam. Thuở nhỏ chăm chỉ đọc sách, thuộc nhiều thơ văn. Ông thi đỗ Tiến sĩ vào năm thứ 11 Nguyên Hòa đời Đường Hiến Tông, từng đảm nhiệm các quan hàm như Huyện lệnh Vân Dương phủ Kinh Triệu, Hiệu thư lang triều đình⁽⁶⁾. Liễu Hữu Phương là một người có tiếng tăm ở vùng đất Giao Chỉ, điều này được thể hiện trong dòng chữ ghi trên mộ chí hiện còn của ông: “Do hồi trẻ khắc khổ học hành, văn chương thông suốt, danh tiếng khắp Giao Chỉ”⁽⁷⁾. Hữu Phương từng có mối quan hệ giao hảo với không ít các nhà thơ, nhà văn, nhà tư tưởng lớn đời Đường như Liễu Tông Nguyên (773 - 819), Hàn Dũ (768 - 824)... Với một văn sĩ giỏi văn chương như vậy, sáng tác thơ văn của ông chắc rằng không chỉ có một, nhưng lưu truyền đến nay mà ta biết được thì chỉ duy nhất một bài thơ tứ tuyệt cổ thi kèm lời ký, nhan đề là *Đề lữ sán* (《题旅棹》[并记]/Viết lên quan tài kẻ sĩ ở quán trọ [kèm lời ký]). Bài thơ này còn có nhan đề khác là *Táng Bửu Kê nghịch lữ sĩ nhân minh thi* (《葬宝鸡逆旅士人铭诗/Một bài thơ ghi nhớ chôn cất kẻ sĩ ở quán trọ Bửu Kê) (Bành Định Cầu và các cộng sự, 2015: 5550).

Liễu Tông Nguyên (柳宗元, khoảng 773 - 819), tự Tử Hậu, người Hà Đông (nay là thành phố Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây). Năm 21 tuổi, Tông Nguyên đỗ tiến sĩ,

26 tuổi đỗ Khoa hồng từ bác học, được trao chức Chính tự thư viện điện tập hiền. Ông từng đảm nhiệm các chức Huyện úy huyện Lam Điền, Lý hành ngự sử giám sát. Năm thứ 21 (805) niên hiệu Trinh Nguyên, ông cùng các Tư mã khác tham gia tập đoàn Vương Thúc Văn và Vương Phi, chủ trương cách tân chính trị (lúc này Tông Nguyên thăng nhậm Lễ bộ viên ngoại lang). Cuộc cách tân bị thất bại, sau đó kẻ thì bị giết, người thì bị giáng chức làm Tư mã ở các châu huyện xa xôi, Liễu Tông Nguyên bị giáng chức làm Tư mã ở Vĩnh Châu (nay là huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam). Sau 10 năm, ông được về kinh thành, nhưng không bao lâu lại bị giáng chức đi làm quan Thích sử Liễu Châu (nay là thành phố Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây) 4 năm... (Liễu Tông Nguyên, 1979: 1). Thời gian làm quan ở Lĩnh Nam, ông giao du với Liễu Hữu Phương, người Giao Châu - một thanh niên tài hoa, nổi tiếng. Mối giao hảo ấy được thể hiện qua hai bài: *Tống thi nhân Liễu Hữu Phương tự* (《送诗人廖有方序》/Lời tựa tặng nhà thơ Liễu Hữu Phương), có đoạn: “...今廖生刚健重厚, 孝悌信让, 以质乎中 (一作内) 而文乎外。为唐诗有大雅之道, 夫固钟于阳德者耶? 是世之所罕也。” [...Nay Liễu sinh tính cách mạnh mẽ, cẩn trọng, lại trung hậu; hiếu đễ, thành thật, khiêm nhường. Lấy phẩm chất ở bên trong ấy mà thể hiện ra bên ngoài thành văn chương, có cái đạo phong nhã của thơ Đường, phải chăng đấy là được tập hợp ở chỗ ánh sáng mặt trời chiếu soi? Là hiếm có vậy] (Liễu

Tông Nguyên, Tào Minh Cương, 1997: 207). Bài *Đáp cống sĩ Liêu Hữu Phương luận văn thư* (《答贡士廖有方论文书》): “三日, 宗元白: 自得秀才书, 知欲仆为序。然吾为文, 非苟然易也。于秀才, 则吾不敢爱。吾在京都时, 好以文宠后辈, 后辈由吾文知名者, 亦为不少焉。自遭斥逐禁锢, 益为轻薄小儿哱器, 群朋增饰无状, 当途人卒谓仆垢汗重厚, 举将去而远之。今不自料而序秀才, 秀才无乃未得向时之益, 而受后事之累, 吾是以惧。浩然盛服而与负涂者处, 而又何赖焉? 然观秀才勤恳, 意甚久远, 不为顷刻私利, 欲以就文雅, 则吾曷敢以让? 当为秀才言之。然而无显出于今之世, 视不为流俗所扇动者, 乃以示之。既无以累秀才, 亦不增仆之诟骂也, 计无宜于此。若果能是, 则吾之荒言出矣。宗元白。” [Ngày 3, Tông Nguyên thưa: từ sau khi nhận được thư của Tú tài ông, biết ông muốn tôi viết lời tựa. Nhưng tôi viết văn chương, không dễ dàng tùy tiện viết. Còn đối với Tú tài ông, tôi không dám ích kỷ không viết. Lúc tôi ở kinh thành, hay dùng văn chương để tỏ lòng trân trọng lớp sau; thế hệ sau do văn chương của tôi mà không ít người biết đến (nổi tiếng). Từ sau khi tôi rơi vào cảnh bị đày ải, cấm tham chính, càng bị bọn tiểu nhân gièm pha rêu rao cợt nhả, cùng thêm phần tội trạng vô danh - không đáng tin tưởng, người nắm chính quyền cho rằng tôi ô uế nặng nề, đều tìm cách xa lánh tôi. Nay bản thân không ngờ sẽ viết lời tựa cho Tú tài ông, Tú tài ông chẳng lẽ không có được những điều tốt đẹp của ngày xưa, mà sợ bị liên lụy việc tôi bị biếm trích? Tôi vì thế cảm thấy lo ngại. Mà trang phục lộng lẫy gọn gàng như thế lại qua lại với người thân như bản như tôi, thì có gì để trông cậy đâu? Tuy

vậy, thấy Tú tài ông chân thành, suy nghĩ vô cùng sâu xa, không vì tư lợi nhất thời, mà muốn lấy điều này để dẫn thân vào sự nghiệp văn học - nghệ thuật, lễ nhạc. Thế thì, tôi làm sao dám từ chối được? Nên viết vài dòng cho Tú tài ông; nhưng mà, nếu hoàn toàn không nổi trội hơn những gì ở đời ngày này, thì chọn những nội dung không bị người thế tục xúi bậy - kích động, mới viết ra cho mọi người xem. Vừa không có gì liên lụy tới Tú tài ông, lại không thêm nhục mạ tôi, xem ra không còn gì thích hợp hơn như thế. Nếu đúng là có thể như thế, vậy thì những lời nói sáo rỗng của tôi vượt khỏi khuôn sáo rồi. Tông Nguyên thưa.] (Liễu Tông Nguyên, Tào Minh Cương, 1997: 281).

Từ hai bài viết trên, có thể thấy Liễu Tông Nguyên rất coi trọng Liêu Hữu Phương, giữa họ có mối quan hệ qua lại. Đặc biệt khoảng thời gian Tông Nguyên bị giáng chức, bị mọi người xa lánh, vì bị triều đình quy tội cấu kết lật đổ triều đình, Hữu Phương đã đến với ông với một tâm hồn cao thượng, một nhân cách, một tài năng lớn lúc bấy giờ.

2.3. Giao du giữa Quảng Tuyên với văn nhân nhà Đường

Quảng Tuyên (广宣), năm sinh năm mất hiện chưa rõ, sống vào thế kỷ thứ VIII, họ Liêu, người Giao Châu - An Nam (Phó Toàn Tông, 1987: 541), giữ chức quan Cung phụng. Ông từng có thời gian ở nhờ trên đất Ba Thục. Từ hai bài thơ *Cung phụng Định pháp sư quy An Nam* (《供奉定法师归安南》) và

Tổng Định pháp sư quy Thục, pháp sư tức Hồng lâu viện Cung phụng Quảng Tuyên thượng nhân huynh đệ [《送定法师归蜀，法师即红楼院供奉广宣上人兄弟》] (Bành Định Cầu và các cộng sự, 2015: 10-3722) của Dương Cự Nguyên, cho biết Quảng Tuyên có một người anh em tên Định. Nhà nghiên cứu Trần Nghĩa có lẽ đã dựa vào dòng chú thích trong nhan đề bài thơ thứ hai xác định vai vế giữa họ rằng: “Thượng nhân Quảng Tuyên là anh của pháp sư Định... Pháp sư [Định] là em của ông Cung phụng Viện hồng lâu - Thượng nhân Quảng Tuyên” (Trần Nghĩa, 2000: 131). Mặc dù nhan đề bài thơ có chú thích là “huynh đệ”, nhưng trên thực tế không có tài liệu nào xác thực ai là anh ai là em. Chỉ có thể biết hai anh em họ đều giữ chức Cung phụng, địa vị cao trong xã hội bấy giờ. Về tác phẩm văn học, sách *Sưu tầm và khảo luận tác phẩm chữ Hán người Việt Nam trước thế kỷ X* của Trần Nghĩa không thấy liệt kê tác phẩm nào của Quảng Tuyên. Tuy nhiên, trong *Toàn Đường thi* thấy hiện lưu 17 bài thơ (Bành Định Cầu và các cộng sự, 2015: 9269-9272) và 6 bài liên cú (Bành Định Cầu và các cộng sự, 2015: 8889-8890) [hình thức liên cú là gồm hai người trở lên, mỗi người làm một hoặc trên một câu rồi ghép lại thành một bài thơ]. Ngoài ra, có *Hồng lâu tập*, nhưng nay chưa tìm thấy. Từ tài liệu hiện còn cho biết, Quảng Tuyên từng ngao du khắp nơi, từ Ba Thục đến Trường An, từng làm thơ xướng họa cùng với nhiều sĩ phu (văn nhân, thi sĩ, danh thần) trung kỳ

đời Đường. Thơ văn của ông nhận được sự ca ngợi của các sĩ phu thời ấy. Dưới đây, chúng tôi chủ yếu điểm qua một số tựa đề bài thơ thể hiện mối quan hệ giao lưu giữa Quảng Tuyên và các đại sĩ phu nhà Đường:

Giao du với Vĩ Cao (韦皋, 745/746-805). Vĩ Cao, tự Thành Vũ (cũng gọi là Vũ Thần), người Vạn Niên, Kinh Triệu (nay là thành phố Tây An, Thiểm Tây), cư sĩ Phật giáo, đồng thời là một danh tướng thời Đường Đức Tông. Từ bài thơ *Quảng Tuyên thượng nhân ký tại Thục dữ Vi lệnh công xướng họa thi quyển, nhân dĩ lệnh công thủ trắc đáp thi thị chi* (《广宣上人寄在蜀与韦令公唱和诗卷因以令公手札答诗示之》) / Bài thơ xướng họa của Thượng nhân Quảng Tuyên lúc sống nhờ ở Ba Thục với Vĩ Lệnh công vì thế Lệnh công lấy thơ viết tay tặng đáp lại Pháp sư) (Bành Định Cầu và các cộng sự, 2015: 4058) của Lưu Vũ Tích cho biết ông từng ở Ba Thục và từng giao lưu xướng họa thơ ca với danh tướng này. Tiếc rằng thơ ca xướng họa ấy đã mất.

Giao du với Lưu Vũ Tích (刘禹锡, khoảng 772 - 842). Lưu Vũ Tích tự Mộng Đắc, người Bành Thành (nay là thành phố Từ Châu, tỉnh Giang Tô), được Bạch Cư Dị suy tôn là “thi hào”. Thơ ca xướng họa giữa họ hiện còn 3 bài: *Tuyên thượng nhân viễn ký hòa lễ bộ Vương thị lang phóng bảng hậu thi nhân nhi kế họa* (《宣上人远寄和礼部侍郎放榜后诗因而继和》) / Thượng nhân Quảng Tuyên gửi thơ chúc Vương Khởi nhậm chức Lễ bộ thị lang sau khi đỗ đệ nhị bảng, theo đó hai bên tiếp

tục có thơ đối đáp qua lại), *Quảng Tuyên thượng nhân ký tại Thục dữ Vi Lệth công xướng họa thi quyển nhân dĩ lệnh công thủ trác đáp thi thị chi* (《广宣上人寄在蜀与韦令公唱和诗卷因以令公手札答诗示之》), *Tống Tuệ Tắc pháp sư quy thượng đô nhân trình Quảng Tuyên thượng nhân* (《送慧则法师归上都因呈广宣上人》) / *Tiền Pháp sư Tuệ Tắc về Kinh Đô nhân đó gửi lời cảm ơn đến Thượng nhân Quảng Tuyên*. Tuy nhiên, phần thơ Quảng Tuyên đến nay không còn. Nói thêm, trong lời dẫn của bài thơ *Tống Tuệ Tắc pháp sư quy thượng đô nhân trình Quảng Tuyên thượng nhân* của Lưu Vũ Tích có câu: “Trước đây đã từng gặp gỡ Thượng nhân Quảng Tuyên, nay nhờ (ngài Tuệ Tắc) gửi lời cảm ơn của tôi đến Thượng nhân/前见宣上人, 为我多谢” (Lưu Vũ Tích, Cù Thoái Viên, 1989: 955), và theo *Đường thi kỷ sự hiệu tiên* (quyển 72) cũng cho biết, giữa năm Hội Xương, Quảng Tuyên có những bài thơ nổi tiếng, có mối quan hệ rất tốt với Lưu Mộng Đắc (Kế Hữu Công, Vương Trọng Dung, 1989: 1919). Từ những thông tin trên cho thấy Lưu Vũ Tích, Quảng Tuyên (và cả Tuệ Tắc) là những người bạn tốt.

Giao du với Hàn Dũ (韩愈, 768 - 824). Hàn Dũ tự Thoái Chi, người Hà Dương (nay là thành phố Mạnh Châu, tỉnh Hà Nam). Ông tự xưng là “Quận vọng Xương Lê”, nên người đời gọi ông là “Hàn Xương Lê” hay “Xương Lê tiên sinh”. Ông là một nhà văn học, nhà triết học. Hàn Dũ từng giao lưu với các văn sĩ đời Đường như Giả

Đào, Lý Hạ, Lư Đồng, Mạnh Giao, Lý Cao...; ông cũng có qua lại với Quảng Tuyên. Điều này được biết qua bài: *Quảng Tuyên thượng nhân tần kiến quá* (《广宣上人频见过》) / *Thượng nhân Quảng Tuyên nhiều lần tới thăm hỏi*:

三百(一作十)六旬长扰扰, 不冲风雨即尘埃。久惭(一作为)朝士无裨补, 空愧高僧数往来。学道穷年何所得, 吟诗竟日未能回。天寒古寺游人少, 红叶窗前有几堆。

(Bành Định Cầu và các cộng sự, 2015: 3854).

Hán Việt:

Tam bách (nhất tác thập) lục tuần trường nhiều nhiều, bất xung phong vũ tức trần ai. Cửu tầm (nhất tác vi) triều sĩ vô tì bổ, không quý cao tăng sở vãng lai. Học đạo cùng niên hà sở đắc, ngâm thi cánh nhật vị năng hồi. Thiên hàn cổ tự du nhân thiểu, hồng diệp song tiền hữu kỷ đôi.

Dịch nghĩa:

Thượng nhân Quảng Tuyên thường xuyên tới thăm tôi với dáng vẻ bề bộn, gió mưa không cản bụi bặm khó ngăn. Cứ cảm thấy mình không có tài cán gì để giúp ích cho các đại thần trong triều, cũng không xứng với tấm lòng cao tăng đã nhiều lần thăm viếng. Trái bao tháng ngày học tập tìm hiểu đạo thánh hiền Nho gia mà không gặt hái được bao nhiêu, cao tăng tặng thơ mà ta tự cảm thấy mình tài hèn học ít suốt ngày cân nhắc chưa thể phúc đáp. Thời tiết dần dần lạnh lẽo du khách viếng chùa mỗi lúc một thưa thớt, những chiếc lá đỏ nằm chôn chôn trước cửa sổ đã chất đầy mấy lớp.

Giao du với Dương Cự Nguyên (杨巨源, 755 - 833?). Dương Cự Nguyên tự Cảnh Sơn, sau đổi tên là Cự Tế, người Hà Trung (nay thuộc huyện Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây). Ông thi đỗ tiến sĩ năm 789 đời Đường Đức Tông, từng kinh qua các chức quan như Bí thư lang, Thái thường bác sĩ, Quốc tử ti nghiệp. Dương Cự Nguyên là nhà thơ nổi tiếng thời trung Đường, từng xướng họa với: Bạch Cư Dị, Hàn Dũ, Nguyên Chấn, Trương Tịch, Vương Kiên, Lưu Vũ Tích, Giả Đảo, Hứa Hồn... Ông hiện còn khoảng 150 bài thơ, đề tài khá rộng, chủ đề thơ tiễn biệt xướng họa có khoảng 80 bài, trong đó có 3 bài đề tặng Quảng Tuyên, gồm: *Xuân tuyết đề Hưng Thiện tự Quảng Tuyên thượng nhân Trúc viện* (《春雪题兴善寺广宣上人竹院》/Viết về khí tiết như cây trúc của Thượng nhân Quảng Tuyên ở chùa Hưng Thiện vào dịp Xuân tuyết bay ngập lối), *Hòa Quyền tướng công Nam viên nhân thiệp ký Quảng Tuyên thượng nhân* (《和权相公南园闲涉寄广宣上人》/Cùng Quyền tướng công dạo bước trong Nam viên gửi Thượng nhân Quảng Tuyên) và *Hòa Trịnh tướng công tầm Tuyên thượng nhận bất ngộ* (《和郑相公寻宣上人不遇》/Cùng Trịnh tướng công tìm Thượng nhân Quảng Tuyên mà không gặp). Đáng tiếc là thơ Quảng Tuyên đã thất truyền. Trong cái nhìn của Dương Cự Nguyên, Quảng Tuyên khí chất liêm khiết, kiên cường, thể hiện qua bài *Xuân tuyết đề Hưng Thiện tự Quảng Tuyên thượng nhân Trúc viện*:

皎洁青莲客，焚香对雪朝。竹内催淅沥，花雨让飘飘。
触石和云积，萦池拂水消。只应将日月，颜色不相饶。

(Bành Định Cầu và các cộng sự, 2015: 3720).

Hán Việt:

Giảo khiết thanh liên khách, phân hương đối tuyết triều. Trúc nội thổi tích lịch, hoa vũ nhượng phiêu diêu. Xúc thạch hòa vân tích, uynh trì phát thủy tiêu. Chỉ tương tương nhật nguyệt, nhan sắc bất tương nhiêu.

Dịch nghĩa:

Vị khách (tặng, chỉ Quảng Tuyên) sáng trong tựa hoa sen lá xanh ngát, đốt hương (tĩnh tọa) ngắm tuyết rơi. Hàng trúc khua ti tách, mưa hoa theo làn gió bay phát phới. Ngọn núi cao chót vót với những đám mây cuộn bay, hồ nước bao quanh xanh ngát gió gợn nhẹ. Theo ngày tháng trôi qua, vạn vật theo đó cũng úa tàn (tặng nhân cũng già đi).

Theo *Đường tài tử truyện hiệu tiên*, vào năm Nguyên Hòa, Quảng Tuyên đến Trường An, ở chùa Hưng Thiện, Dương Cự Nguyên đã làm bài thơ trên (Phó Toàn Tông, 1987: 541). Cự Nguyên nói về phẩm chất và khí tiết của Quảng Tuyên, tiếp đó tác giả miêu tả không gian vị tăng nhân đang ngồi ngắm tuyết mùa xuân. Có thể nói nếu không ngưỡng mộ và quý trọng tài năng và cốt cách của Quảng Tuyên thì tác giả không miêu tả tường tận như vậy.

Giao du với Bạch Cư Dị (白居易, 772 - 846). Bạch Cư Dị tự Lạc Thiên, hiệu Cư sĩ Hương Sơn hay Túy Ngâm tiên

sinh, ở Hạ Khuê (nay là huyện Vị Nam, tỉnh Thiểm Tây). Bạch Cư Dị giỏi thơ văn, thông nhạc luật; là một trong ba nhà thơ lớn nhất đời Đường (Bạch Cư Dị, Đỗ Phủ, Lý Bạch). Đỗ Phủ được người đời xưng là “thi thánh”, Lý Bạch được xưng là “thi tiên”, còn Bạch Cư Dị được xưng là “thi ma”. Theo *Đường tài tử truyện hiệu tiên*, vào giữa những năm Nguyên Hòa, Quảng Tuyên dời đến ở Viện Hồng Lô chùa An Quốc (Phó Toàn Tông, 1987: 541), do giỏi thơ ca nên được các Hoàng đế coi trọng, vào hai triều Hiến Tông và Mục Tông, ông đều làm chức Nội Cung phụng, đồng thời hoàng đế cho phép ông ở Viện Hồng Lô trong chùa An Quốc, có thể thấy rằng Quảng Tuyên là một tăng nhân giỏi làm thơ và có những vần thơ nổi tiếng. Thời gian ở Viện Hồng Lô, Bạch Cư Dị có làm bài thơ *Quảng Tuyên thượng nhân dĩ ứng chế thi kiến thị nhân dĩ tặng chi chiếu hứa thượng nhân cư An Quốc tự Hồng Lô viện dĩ thi cung phụng* (《广宣上人以应制诗见示因以赠之诏许上人居安国寺红楼院以诗供奉》/Thượng nhân Quảng Tuyên dùng thơ ứng tác biểu thị, theo đó tôi dùng thơ tặng lại thượng nhân. Thượng nhân được ban chiếu ở Viện Hồng Lô chùa An Quốc lấy thơ cung phụng). Mối giao du xướng họa giữa Quảng Tuyên và Cư Dị còn thể hiện qua bài thơ khá đặc biệt khác là *Tặng biệt Tuyên thượng nhân* (《赠别宣上人》/Tặng thơ tiễn biệt Thượng nhân Quảng Tuyên):

上人处世界，清净何所似？似彼白莲花，在水不著水。

性真（一作真空）悟泡幻（一作幻泡），行洁离尘滓。修道来几时，身心俱到此？

嗟余牵世网，不得长依止。离念与碧云，秋来朝夕起。

(Bành Định Cầu và các cộng sự, 2015: 4849).

Hán Việt:

Thượng nhân xử thế giới, thanh tịnh hà sở tự? Tự bỉ bạch liên hoa, tại thủy bất trước thủy. Tính chân (nhất tác chân không) ngộ bào huyễn (nhất tác huyễn bào), hạnh khiết ly trần tử. Tu đạo lai kỷ thời, thân tâm cụ đáo thủy. Ta dư khiên thế võng, bất đắc trường y chỉ. Ly niệm dữ bích vân, thu lai triều tịch khởi.

Dịch nghĩa:

Thượng nhân sống ở chốn trần gian, lục căn thanh tịnh giống với cái gì đây? Như đóa sen trắng kia, sống ở nơi dơ bẩn nhưng vẫn giữ được mình trong sạch. Quảng Tuyên tâm tính tịch tĩnh ngộ được tất cả các tướng (vạn sự vạn vật) đều là bọt bóng và ảo ảnh, phẩm hạnh thanh cao không bị những lợi danh trần thế trói buộc. Ngài tu hành trải qua bao năm tháng, thân tâm đều đã đến được cõi Phật rồi chẳng? Than ôi ta bị trói buộc bởi trần thế suốt ngày bận bịu, không được thường xuyên gần gũi với thượng nhân để được nghe những lời dạy bảo. Biệt ly cùng mây biếc, thời gian mùa thu, cứ thế trôi đi.

Bài thơ được làm khi Bạch Cư Dị lần đầu làm quan ở kinh đô Trường An, là bài thơ tiễn biệt tăng nhân Quảng Tuyên. Trong thơ, Bạch Cư Dị ca ngợi

và ngưỡng mộ Quảng Tuyên tuy sống ở chốn phàm trần nhưng phẩm hạnh thanh tịnh, cao khiết như hoa sen, đã hiểu sâu sắc giáo lý nhà Phật, giác ngộ vạn vật trên đời chỉ như ảo ảnh mà thôi. Nhìn người thấy ta, nhà thơ phản tỉnh, cảm thấy xấu hổ khi bản thân còn quá bận bịu với cuộc đời, không được thường xuyên nghe những lời giáo huấn của Thượng nhân. Từ bài thơ cho thấy mối quan hệ giữa Bạch Cư Dị và Quảng Tuyên là rất mật thiết, từng có giao du xướng họa thơ ca, tuy nhiên, điều đáng tiếc là, phần thơ Quảng Tuyên dành cho Cư Dị đã thất lạc.

Giao du với Lý Ích (李益, 748 - 829). Lý Ích tự Quân Ngu, người Cô Tạng, Lương Châu (nay là khu Lương Châu, thành phố Vũ Uy, tỉnh Cam Túc; là một nhà thơ nổi tiếng tiêu biểu cho trường phái thơ biên tái thời kỳ trung Đường. Theo *Đường thi ký sự hiệu tiên* thì Lý Ích được xem là một trong mười tài tử vào những năm Đại Lịch Đường Đại Tông (776 - 779). Mười tài tử này gồm: Lô Luân, Tiền Khởi, Lang Sĩ Nguyên, Tư Không Thự, Lý Đoan, Lý Ích, Miêu Phát, Hoàng Phủ Nhiễm, Cảnh Vi, Lý Gia Hựu. Lý Ích giao lưu rộng rãi với nhiều văn sĩ, đặc biệt có mối quan hệ mật thiết với Quảng Tuyên. Điều này thể hiện qua ít nhất 11 bài thơ của Lý Ích trong *Toàn Đường thi*, như bài: *Hỉ nhập Lan Lăng vọng Tử Các phong trình Tuyên thượng nhân* (《喜入兰陵望紫阁峰呈宣上人》) /Vui đến định cư phường Lan Lăng ngắm núi Tử Các trình Thượng

nhân Quảng Tuyên), *Đáp Quảng Tuyên Cung phụng vấn Lan Lăng cư* (《答广宣供奉问兰陵居》) /Trả lời quan Cung phụng Quảng Tuyên về những lời hỏi han về chỗ ở Lan Lăng [của tôi]), *Nghệ Hồng Lô viện tầm Quảng Tuyên bát ngộ lưu đề* (《诣红楼院寻广宣不遇留题》) /Bài thơ ngẫu hứng khi đến Viện Hồng Lô tìm Quảng Tuyên nhưng không gặp), *Khất Khoan thiền sư anh sơn lồi trình Tuyên Cung phụng* (《乞宽禅师瘦山叠呈宣供奉》) /Xin bình định của Thiền sư Duy Khoan trình Cung phụng Quảng Tuyên), *Tặng Tuyên đại sư* (《赠宣大师》) /Tặng Đại sư Quảng Tuyên), *Hồng Lô hạ liên cú* (《红楼下联句》) /Liên cú [gồm 3 người, mỗi người gồm 2 câu] dưới Viện Hồng Lô), *Lan Lăng tịch cư liên cú* (《兰陵僻居联句》) /Liên cú [3 người] sống ở nơi hẻo lánh Lan Lăng), *Tuyên thượng nhân bệnh trung tương tầm liên cú* (《宣上人病中相寻联句》) /Liên cú [2 người] tìm nhau lúc Thượng nhân Quảng Tuyên lâm bệnh), *Bát nguyệt ngũ thập dạ, Tuyên thượng nhân độc du An Quốc tự Sơn Đình viện bộ nhân, trì minh tương chí, nhân thoại tác tiêu, thừa hứng liên cú* (《八月十五夜宣上人独游安国寺山庭院步人迟明将至因话昨宵乘兴联句》) (一作《八月十五日夜，宣上人独游安国寺山庭院步月，李舍人十兄迟明将至，因话昨宵，乘兴联句》) /Liên cú [2 người] đêm ngày 15 tháng 8 Thượng nhân Quảng Tuyên một mình dạo bước dưới ánh trăng trước Sơn đình viện [nội trong khu vực chùa An Quốc], Trung thư lý xá nhân thập đệ Lý Ích đến muộn, trò chuyện thâu đêm, vô cùng vui vẻ),

Trùng dương dạ tập Lan Lăng cư dữ Tuyên thượng nhân liên cú (《重阳夜集兰陵居与宣上人联句》) /Liên cú [2 người] đêm Trùng Dương hội tụ tại Lan Lăng cùng với Thượng nhân Quảng Tuyên), và *Dữ Tuyên Cung phụng huê anh tôn quy Hạnh Khê viên liên cú* (《与宣供奉携瘦尊归杏溪园联句》) /Liên cú [2 người] cùng Cung phụng Quảng Tuyên mang theo bầu rượu tới vườn Hạnh Khê). Ở đây, chúng tôi xin dẫn toàn văn bài *Tuyên thượng nhân bệnh trung tương tầm liên cú* để biết thêm thể thơ hình thức liên cú của người xưa và mối quan hệ thân thiết của các văn nhân: 杖迎诗客，归房理病身。闲收无效药，遍寄有情人 (广宣)。

草木分千品，方书问六陈。还知一室内，我尔即天亲 (李益) ⁽⁸⁾。

Hán Việt:

Sách trượng nghênh thi khách, quy phòng lý bịnh thân. Nhân thâu vô hiệu dược, biến ký hữu tình nhân (Quảng Tuyên).

Thảo mộc phân thiên phẩm, phương thư vấn lục trần. Hoàn tri nhất thất nội, ngã nhĩ tức thiên thân (Lý Ích).

Dịch nghĩa:

Chống gậy đón tiếp nhà thơ tới thăm, về phòng chữa trị chiếc thân bệnh tật. Thuốc thang đều không có hiệu quả, tìm khắp gửi tới người bạn thâm giao (Quảng Tuyên).

Thảo mộc chia thành nghìn loại, sách y dược tra hỏi sáu loại lương thực. Luôn cảm thấy trong căn phòng ấy, tôi và ngài thân thiết tựa như những người chung một nhà (Lý Ích).

Bài thơ này được sáng tác trong khoảng thời gian Quảng Tuyên lâm bệnh, Lý Ích tới vấn an ông.

Ngoài ra, Quảng Tuyên cũng từng giao lưu thơ văn với nhiều sĩ phu khác, như Trương Tịch (张籍, khoảng 767-830) qua bài thơ *Tặng Quảng Tuyên sư* (《赠广宣师》) /Tặng thầy Quảng Tuyên), Trịnh Nhân (郑綯, 752 - 829) có *Phụng thù Tuyên thượng nhân cửu nguyệt thập ngũ nhật Đông đình vọng nguyệt kiến tặng, nhân hoài Tử Các cữu du* (《奉酬宣上人九月十五日东亭望月见赠，因怀紫阁旧游》) /Tạ đáp Thượng nhân Quảng Tuyên đêm trăng tròn ngày 15 tháng 9 ở đình phía đông, bởi nhớ lại lần dạo chơi ngày trước dưới Tử Các), Ung Đào (雍陶, 805-?) có *An Quốc tự tặng Quảng Tuyên thượng nhân* (《安国寺赠广宣上人》) /Ở dưới mái chùa An Quốc làm thơ tặng Thượng nhân Quảng Tuyên), Tào Tùng (曹松, khoảng 830-903) có *Tặng Quảng Tuyên đại sư* (《赠广宣大师》) /Tặng Đại sư Quảng Tuyên), Đỗ Cao (杜羔, ?-821) có *Lan Lăng tịch cư liên cú* (《兰陵僻居联句》) /Liên cú [3 người] sống ở nơi hẻo lánh Lan Lăng), Nguyên Chấn (元稹, 779 - 831) có *Hòa Vương thị lang thù Quảng Tuyên thượng nhân quán phóng bảng hậu tương hạ* (《和王侍郎酬广宣上人观放榜后相贺》) /Cùng Vương thị lang đối đáp với Thượng nhân Quảng Tuyên sau khi thi đỗ chúc nhau), Lệnh Hồ Sở (令狐楚, 766/768 - 837) có *Quảng Tuyên dữ Lệnh Hồ Sở xướng họa* (《广宣与令狐楚唱和》) /Thượng nhân Quảng Tuyên xướng họa với Lệnh Hồ Sở), Chương

Hiếu Tiêu (章孝标, 791 - 873) có *Thực trung tặng Quảng Tuyên thượng nhân* (《蜀中赠广宣上人》/Tặng Thượng nhân Quảng Tuyên lúc ở Thực), Chu Loan (朱湾, sống vào thế kỷ VIII) có *Quá Tuyên thượng nhân hồ thượng lan nhược* (《过宣上人湖上兰若》/Sang chốn yên tĩnh ven hồ chỗ Thượng nhân Quảng Tuyên cư trú)...

3. KẾT LUẬN

Đầu thời Bắc thuộc, một lượng dân khá lớn, chủ yếu là từ trung nguyên di cư đến khu vực An Nam, bởi nhiều lý do khác nhau. Trong số những di dân này, có nhiều vị học sĩ, văn nhân tài hoa. Qua các áng thơ tiêu biểu đã được liệt kê trên cho thấy các hoạt động giao lưu qua lại giữa các văn nhân Nam - Bắc dưới thời Đường diễn ra rất sôi động và có tính thường xuyên. Điều này cho thấy giới trí thức ở Giao Chỉ thời kỳ này đã có trình độ rất cao; đồng thời những cuộc giao lưu diễn ra hai chiều - tương kính lẫn nhau. Những danh sư Việt Nam được mời sang giảng kinh pháp cho nhà vua trong cung điện, hay như văn nhân nổi tiếng Thẩm Thuyên Kì đời Đường quy ngưỡng trước thượng

nhân Vô Ngại - An Nam là những minh chứng điển hình.

Sự giao du giữa văn nhân Việt - Hoa thời nhà Đường không chỉ giới hạn bởi các trường hợp vừa nêu trên, mà còn nhiều hơn thế. Ví dụ mối quan hệ giao lưu giữa pháp sư Định và Dương Cự Nguyên (qua bài thơ *Cung phụng Định pháp sư quy An Nam*/《供奉定法师归安南》), Duy Giám và Giả Đảo (qua bài thơ *Tống An Nam Duy Giám pháp sư*/《送安南惟鉴法师》), Hoàng Tri Tân và Giả Đảo (qua bài thơ *Tống Hoàng Tri [có bản ghi là Hòa] Tân quy An Nam*/《送黄知 (一作和) 新归安南》), một vị tăng khuyết danh An Nam và Trương Tịch (qua bài thơ *Sơn trung [có bản ghi là thượng quốc] tặng Nhật Nam tăng*/《山中 (一作上国) 赠日南僧》), Khương Công Phụ và các sĩ phu xứ Bắc. Tuy nhiên, trong giới hạn bài nghiên cứu này chúng tôi chỉ chọn dịch nghĩa và phân tích một vài bài thơ tiêu biểu, còn các bài thơ liên quan mối giao hảo hay tình hữu nghị giữa văn nhân hai xứ còn lại, chủ yếu chỉ điểm qua nhan đề, mang tính gợi ý. □

CHÚ THÍCH

(1) Là phụ thân của Vương Bột. Vương Bột (khoảng 650 - 676) được mệnh danh là một trong bốn nhà thơ xuất chúng đầu đời Đường, sánh ngang với Dương Quýnh (khoảng 650 - 693), Lư Chiếu Lâm (khoảng 630 - 698) và Lạc Tân Vương (khoảng 638 - 684), gọi là *Sơ Đường tứ kiệt*, hoặc hợp gọi là *Vương Dương Lư Lạc*.

(2) Nhiều nhà nghiên cứu tiền bối về văn học cổ đại Việt Nam và liên quan mảng này đều xem Vô Ngại là người An Nam, điển hình như Lê Mạnh Thát trong sách *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 2, 2001) khẳng định: Vô Ngại là “thiền sư Việt Nam”; Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật giáo sử lược* (tập 1, 1992) ở mục “Một số các vị tăng sĩ (Việt Nam) không được

Thiên uyển tập anh nhắc tới” trong đó có liệt kê Pháp sư Vô Ngại (xem tr. 107-112); sách *Sưu tầm và khảo luận tác phẩm chữ Hán người Việt Nam trước thế kỷ X* (2000), Trần Nghĩa cũng liệt Vô Ngại là người vùng đất An Nam; sách *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: Diện mạo và đặc điểm* (2016), tác giả Nguyễn Công Lý có nhắc tới sự khen ngợi của Thâm Thuyên Ki về Vô Ngại, với ý ca ngợi tài hoa đức độ của người Việt Nam lúc bấy giờ (xem tr. 90-93).

⁽³⁾ *Sơ đạt Hoan Châu* (2 bài), *Hoan Châu Nam đình dạ vọng, Đề da tử thụ, Độ An Hải nhập Long Biên, Lữ ngụ An Nam, Lĩnh biểu phùng hàn thực, Tông Hoan Châu giải trạch di trú sơn gian thủy đình tặng Tô sứ quân, Tam nhật độc tọa Hoan Châu tư ức cựu du, Tông sùng sơn hướng Việt Thường, Đáp si mị đại thư ký gia nhân, Thiệu Long tự tính tự và Cửu Chân sơn Tịnh Cư tự yết Vô Ngại thượng nhân* (Bành Định Cầu và các cộng sự. 1960 (tái bản 2015). *Toàn Đường thi* (quyển 4). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, tr. 1029-1055.

⁽⁴⁾ “Tên quận. Vùng đất nước Việt Thường xưa. Nhà Tần chia làm Tượng quận. Thời Hán Vũ Đế năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Đĩnh thiết lập quận Nhật Nam, đóng ở huyện Chu Ngô (nay là thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Thời Đông Hán dời đóng ở huyện Tây Quyển (nay là thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị), khu vực cai quản nằm ở vùng đất Trung Bộ Việt Nam ngày nay. Nước Ngô thời Tam Quốc chia Nhật Nam lập quận Cửu Đức, nhà Tùy lại đổi thành Hoan Châu” (Hà Cửu Doanh, Vương Ninh, Đồng Côn (chủ biên), *Thương vụ ấn thư quán biên tập bộ biên*. 2015. *Từ Nguyên* (bản thứ 3, quyển Thượng). Bắc Kinh: Thương vụ ấn thư quán, tr. 1383).

⁽⁵⁾ Theo truyền thuyết Phật môn, pháp sư Tuệ Viễn đời Đông Tấn từng sống ở chùa Đông Lâm nằm dưới núi Lô. Trải qua hơn 30 năm ở đây, để thể hiện quyết tâm tu hành ông lập một thề ước, rằng: bóng không rời khỏi núi Lô, dấu không dính vào trần tục, tiễn khách bất kể sang hèn, đều không vượt quá cây cầu bắc ngang con suối, lấy khe suối Hồ trước chùa làm ranh giới. Tuy nhiên, có một lần nho sĩ Đào Uyên Minh ở Lật Lý (nay thuộc thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây) và đạo sĩ Lục Tu Tĩnh (sinh ở trấn Đông Thiên, Hồ Châu, Chiết Giang) không hẹn mà cùng đến thăm pháp sư Tuệ Viễn. Ở đó, ba người cùng trò chuyện với nhau rất tâm đầu ý hợp, màn đêm buông xuống, Tuệ Viễn lưu luyến tiễn hai người bạn về. Do mãi mê chuyện trò mà quên mất mình đã bước qua “Hồ khê” mấy trăm bước, lúc này dưới khe suối bỗng có tiếng hồ gầm lớn, Tuệ Viễn chợt nhận ra mình đã bước qua ranh giới và cả ba đều phá lên cười rồi tạm biệt nhau, từ đó lưu truyền trong dân gian giai thoại “Hồ khê tam tiểu”. Câu chuyện này có thể chỉ là truyền kỳ giao du mang thông điệp “dung thông” tư tưởng giữa ba vị Tuệ - Đào - Lục hay nói rộng ra và cụ thể hơn là sự dung hợp tam giáo Thích - Nho - Đạo, mà không phải là sự thật lịch sử. Bởi, Tuệ Viễn (334 - 416) và Lục Tu Tĩnh (406 - 477) vốn là những người không cùng thời đại.

⁽⁶⁾ Xem các sách như: Bành Định Cầu và các cộng sự. 1960 (tái bản 2015), *Toàn Đường thi* (quyển 15), Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, tr. 5550; Lê Tắc trước tác, Vũ Thượng Thanh ngắt câu, hiệu đính. 2000. *An Nam chí lược*. Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, tr. 349; Kế Hữu Công soạn, Vương Trọng Dung hiệu đính và chú thích. 1989. *Đường thi kỷ sự hiệu tiên* (quyển Hạ). Thành Đô: Ba Thục thư xã, tr. 1338.

⁽⁷⁾ Nguyên văn: “由是仍振文笔, 闻口交趾” (Xem *Đường cổ Kinh Triệu phủ Vân Dương huyện lệnh Liêu quân mộ minh* (《唐故京兆府云阳县令廖君墓铭》), In trong Hồ Khả Tiên. 2009. *Tân xuất thổ Đường đại thi nhân Liêu Hữu Phương mộ chí khảo luận*, *Trung Sơn Đại học học báo - Xã hội khoa học bản*, kỳ 05, tr. 37.

⁽⁸⁾ Bài thơ này được giới thiệu trong các công trình: Bành Định Cầu và các cộng sự. 1960 (tái bản 2015). *Toàn Đường thi* (quyển 22), Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, tr. 8889; Vương Diệc Quân, Bùi Dự Mẫn chủ biên (1989). *Lý Ích tập chú*. Lan Châu: Cam Túc Nhân dân xuất bản xã, tr. 428.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bành Định Cầu và các cộng sự. 2015. *Toàn Đường thi* (từ quyển 3 đến quyển 23). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục. (彭定求等编：《全唐诗》（第三册~二十三册），北京：中华书局，1960年[2015年重印]).
2. Điện tử Phật điển (CBETA). 2016. *Giải hoặc thiên* (quyển 1) - J35, No.B325. (CBETA 电子佛典 2016年 — 《解惑篇[卷 1]》—— J35, No.B325).
3. Hà Cửu Doanh, Vương Ninh, Đổng Côn (chủ biên), Thương vụ ấn thư quán biên tập bộ biên. 2015. *Từ nguyên* (quyển Thượng). Bắc Kinh: Thương vụ ấn thư quán. (何九盈、王宁、董琨主编，商务印书馆编辑部编：《辞源》（第三版上册），北京：商务印书馆，2015年).
4. Hà Quang Nhạc. 1992. *Bách Việt nguyên lưu sử*. Nam Xương: Giang Tây giáo dục xuất bản xã xuất bản. (何光岳：《百越源流史》，南昌：江西教育出版社出版，1992年).
5. Hồ Huyền Minh. 1979. *Trung Quốc văn học dữ Việt Nam Lý triều văn học chi nghiên cứu*. Đài Bắc: Kim Cang xuất bản xã. (胡玄明：《中国文学与越南李朝文学之研究》，台北：金剛出版社，1979年).
6. Hồ Khả Tiên. 2009. “Tân xuất thổ Đường đại thi nhân Liêu Hữu Phương mộ chí khảo luận”. *Trung Sơn Đại học học báo - Xã hội khoa học bản*, kỳ 05. (胡可先：《新出土唐代诗人廖有方墓志考论》，《中山大学学报（社会科学版）》，2009年第5期).
7. Kế Hữu Công (soạn), Vương Trọng Dung (hiệu đính và chú thích). 1989. *Đường thi kỷ sự hiệu tiên* (Hạ). Thành Đô: Ba Thục thư xã. (计有功撰，王仲镛校笺：《唐诗纪事校笺》（下），成都：巴蜀书社，1989年).
8. Lê Mạnh Thát. 2001. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam: từ Lý Nam Đế đến Lý Thái Tông* (tập 2). TPHCM: Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Lê Tác (soạn), Vũ Thượng Thanh (ngắt câu, hiệu đính). 2000. *An Nam chí lược*. Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục. (黎劭著：《安南志略》，武尚清点校，北京：中华书局，2000年).
10. Liễu Tông Nguyên (trước tác), Tào Minh Cương (ngắt câu). 1997. *Liễu Tông Nguyên toàn tập*. Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã xuất bản. (柳宗元著，曹明纲标点：《柳宗元全集》，上海：上海古籍出版社出版，1997年).
11. Liễu Tông Nguyên. 1979. *Liễu Tông Nguyên tập* (quyển 1). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục. (柳宗元：《柳宗元集》（第1册），北京：中华书局，1979年).
12. Lưu Vũ Tích (trước tác), Cù Thoái Viên (khảo đính, chỉnh lý, giải thích). 1989. *Lưu Vũ Tích tập tiên chứng* (Thượng). Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã. (刘禹锡著，瞿蜕园笺证：《刘禹锡集笺证》（上），上海：上海古籍出版社，1989).
13. Nghĩa Tịnh (trước tác), Vương Bang Duy (hiệu chú). 1988. *Đại Đường Tây vực cầu pháp Cao tăng truyện hiệu chú*. Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục. (义净著，王邦维校注：《大唐西域求法高僧传校注》，北京：中华书局，1988年版).

14. Ngô Sĩ Liên (soạn), Tôn Hiệu (ngắt câu, khảo đính). 2015. *Đại Việt sử ký toàn thư* (quyển 1). Trùng Khánh: Tây Nam Sư phạm Đại học xuất bản xã; Bắc Kinh: Nhân dân xuất bản xã. (吴士连撰：《大越史记全书》(第一册)，孙晓主编(标点校勘)，重庆：西南师范大学出版社：北京：人民出版社，2015年)。
15. Nguyễn Công Lý. 2016. *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: Diện mạo và đặc điểm*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
16. Nguyễn Lang. 1992. *Việt Nam Phật giáo sử luận* (Tập 1). Hà Nội: Nxb. Văn học.
17. Phó Toàn Tông (chủ biên). 1987. *Đường tài tử truyện hiệu tiên* (quyển 1). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục. (傅琬琮主编：《唐才子传校笺》(第一册)，北京：中华书局，1987年)。
18. Trần Nghĩa. 2000. *Sưu tầm và khảo luận tác phẩm chữ Hán người Việt Nam trước thế kỷ X*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
19. Trang Chu (trước tác), Hồ Trọng Bình (biên dịch). 2011. *Trang Tử*. Bắc Kinh: Bắc Kinh Yên Sơn xuất bản xã. (庄周著，胡仲平编译：《庄子》，北京：北京燕山出版社，2005年[2011重印])。
20. Trương Kim Liên. 2005. “Lục thế kỷ tiền địch Giao Chỉ dữ nội địa giao thông”. Tạp chí *Học thuật thám sách*, kỳ 01. (张金莲：《六世纪前的交趾与内地交通》，《学术探索》，2005年第01期)。
21. Vương Diệc Quân, Bùi Dự Mẫn (chủ biên). 1989. *Lý Ích tập chú*. Lan Châu: Cam Túc Nhân dân xuất bản xã. (王亦军、裴豫敏编注：《李益集注》，兰州：甘肃人民出版社，1989年)。
22. Will Durant, Nguyễn Hiến Lê (dịch). 1990. *Lịch sử văn minh Trung Quốc*. Hồ Chí Minh: Nxb. Trung tâm Thông tin Đại học Sư phạm.